

# HỒ THÍCH

CAO TỰ THANH dịch

A black and white portrait of Hồ Thích, a man with glasses, wearing a suit and tie, looking slightly to the left. The portrait is positioned on the left side of the cover, partially overlapping the title text.

## LỊCH SỬ LOGIC HỌC

thời tiền Tần



NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HỒ THÍCH

# Lịch sử Logic học thời Tiên Tần

Cao Tự Thanh dịch



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

# LỊCH SỬ LOGIC HỌC THỜI TIÊN TÂN

Tác giả: **HỒ THÍCH**

CAO TỰ THANH dịch

---

<i>Chịu trách nhiệm xuất bản:</i>	<b>TRẦN ĐÌNH VIỆT</b>
<i>Biên tập:</i>	<b>ĐỖ LOAN</b>
<i>Sửa bản in:</i>	<b>QUỲNH TRANG</b>
<i>Vẽ bìa:</i>	<b>SAIGONBOOK</b>
<i>Trình bày:</i>	<b>SAIGONBOOK</b>
<i>Đơn vị liên doanh:</i>	<b>NHÀ SÁCH QUỲNH MAI</b>

---

**NXB TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

---

Số lượng: 1000 cuốn, Khổ 13 x 19 cm. Tại: Công ty In Hưng Phú. GP số 1210-19/XB-QLXB do Cục xuất bản cấp ngày 22 tháng 03 năm 2004. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8/2004.

# MỤC LỤC

Vài nét về tác giả .....	4
Lời người dịch .....	5
Lời nhà xuất bản .....	11
Lời nói đầu .....	12
<b>Mở đầu. LOGIC VÀ TRIẾT HỌC .....</b>	<b>15</b>
<b>THIÊN 1. BỐI CẢNH LỊCH SỬ .....</b>	<b>27</b>
<b>THIÊN 2. LOGIC CỦA KHỔNG TỬ .....</b>	<b>52</b>
Sơ lược về tiểu sử .....	52
Chương 1. Vấn đề của Khổng Tử .....	53
Chương 2. “Kinh Dịch” .....	61
Chương 3. Tượng hoặc “Ý tượng” .....	72
Chương 4. Từ hoặc phán đoán .....	80
Chương 5. Chính danh và chính từ .....	86
<b>THIÊN 3. MẶC DỊCH VÀ LOGIC CỦA HỌC PHÁI ẤY .....</b>	<b>95</b>
<b>Quyển 1. Mở đầu .....</b>	<b>95</b>
<b>Quyển 2. Logic của Mặc Dịch .....</b>	<b>110</b>
Chương 1. Phương pháp chủ nghĩa ứng dụng .....	110
Chương 2. Tam biểu pháp (Ba biểu của luận chứng) .....	120
<b>Quyển 3. Logic của phái Biệt Mặc .....</b>	<b>135</b>
Chương 1. “Mặc biện” .....	135
Chương 2. Tri thức .....	140
Chương 3. Lý do, cách thức và phép diễn dịch .....	148
Chương 4. Phép quy nạp .....	156
Chương 5. Huệ Thi và Công Tôn Long .....	169
Chương 6. Huệ Thi và Công Tôn Long (kết luận) .....	180
<b>THIÊN 4. TIẾN HÓA VÀ LOGIC .....</b>	<b>197</b>
Chương 1. Thuyết tiến hóa tự nhiên .....	197
Chương 2. Logic của Trang Tử .....	207
Chương 3. Tuân Tử .....	217
Chương 4. Tuân Tử (tiếp theo) .....	230
Chương 5. Logic pháp trị .....	245
Lời kết thúc .....	267

## *Òai nét về tác giả*

Hồ Thích tự Thích Chi, sinh năm 1891, quê ở Tích Khê An Huy. Lúc nhỏ thông minh hơn người, tám tuổi đã đọc được Tứ thư Ngũ kinh, năm mười ba tuổi lên học ở Thượng Hải. Năm Tuyên Thống thứ 3 (1910) được chọn cho qua Mỹ học, đầu tiên vào học khoa Nông nghiệp trường Cornell University ở Ithaca, năm Dân quốc thứ 4 (1915) chuyển qua Văn khoa rồi vào khoa Triết học ở Đại học Columbia, theo học nhà triết học thực nghiệm nổi tiếng đương thời là giáo sư Dewey. Ông trình luận án Tiến sĩ *The Development of Logical Method in ancient China* (Sự phát triển của phương pháp logic ở Trung Quốc thời cổ – tiền thân của công trình *Tiên Tần danh học sử*) rất được giới triết học Âu Mỹ đương thời quan tâm.

Năm Dân quốc thứ 6 (1917) Hồ Thích về nước làm Giáo sư Đại học Văn khoa Bắc Kinh, tích cực tham gia phong trào vận động sử dụng bạch thoại, trước tác rất nhiều. Sau đó ông đi du khảo các nước Âu Mỹ, đến năm Dân quốc thứ 17 (1928) về nước, làm Hiệu trưởng trường Công học Trung Quốc, qua năm Dân quốc thứ 20 (1931) lại trở về làm Viện trưởng Đại học Bắc Kinh. Năm Dân quốc thứ 27 (1938) ông được bổ nhiệm làm Đại sứ Trung Hoa Dân quốc ở Mỹ, hết nhiệm kỳ về nước lại giữ chức Viện trưởng Đại học Bắc Kinh. Khi quân Nhật đánh Nam Kinh, ông rời Trung Quốc qua Mỹ dạy học, đến 1957 về Đài Loan giữ chức Viện trưởng Viện Nghiên cứu Trung ương, qua đời tại Viện này ngày 24.4. 1962, thọ 71 tuổi.

Tác phẩm chính của Hồ Thích có *Trung Quốc triết học sử đại cương*, *Thường thi*, *Bạch thoại văn học sử*, *Tam thập niên lai thế giới triết học sử*, *Hồ Thích văn tồn*, *Từ tuyển*, *Tứ thập tự thuật*, *Tàn huy tập ký* (Hoa văn), *China's own Critics* (viết chung với Lâm Ngữ Đường), *The Chinese Renaissance* (Anh văn). Trước tác của ông trong điều kiện học thuật và xã hội Trung Quốc đương thời có nhiều cống hiến quý báu, được học giới Trung Quốc hiện nay đánh giá là “mang tính khai sáng trong rất nhiều lãnh vực”.

## *Lời người dịch*

### I.

Trong hoàn cảnh kinh tế thị trường và xu thế hội nhập, giữa thời đại kỹ thuật và khuynh hướng thực dụng hiện tại mà mày mò tra cứu, nghiền ngẫm tìm hiểu những trước tác loại *Tiên Tần danh học sử*, *Trung Quốc trung cổ tư tưởng sử trường biên* của Hồ Thích viết cách nay bảy tám mươi năm thì quả có vẻ rất không biết thời vụ. Nhưng Bình thời giảng võ, loạn thế đọc thư (Thời bình lo võ bị, đời loạn đọc thi thư), con người không thể chỉ sống cho hiện tại mà còn phải nghĩ tới tương lai nữa. Cho nên xin có đôi lời thưa trước.

Sau sự sụp đổ của hệ thống Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu hơn mười năm qua, Việt Nam cũng trải qua hàng loạt biến động to lớn, sâu sắc và toàn diện về kinh tế, xã hội và chính trị, những biến động này tạo ra một áp lực lớn với tổ chức, thiết chế và quan hệ của các hệ thống xã hội vốn đã ít nhiều lạc hậu so với thế giới, dẫn tới nhiều thay đổi phức tạp không thể tóm tắt trong một mệnh đề. Trên lãnh vực tư tưởng- triết học, đã có nhiều người đi tìm lời lý giải cho hiện tượng này, và tựu trung đều quy vào hai nhận định khiến chúng tôi phải cố gắng học tập để tìm hiểu trong hơn mười năm nay: thứ nhất, chủ nghĩa Marx là một sai lầm hay ít nhất cũng chứa đựng nhiều sai lầm và ảo tưởng, thứ hai, Việt Nam nói chung không có truyền thống hoạt động triết học, lịch sử triết học Việt Nam không có bề dày cần thiết đủ để tiếp nhận cái tinh hoa của các hệ thống triết học thế giới nên nói chung con người Việt Nam chỉ biết mô phỏng, sao chép một cách thiếu sót và bị động.

Chúng tôi không nghĩ như thế, hay nói thật chính xác là không chỉ nghĩ như thế. Chủ nghĩa Marx với phương pháp biện chứng duy

vật của nó là công cụ tư tưởng sắc bén nhất mà loài người đã đạt được từ trước đến nay. Sai lầm lớn nhất và chung nhất của những người theo chủ nghĩa Marx kiểu cũ là không vận dụng phương pháp ấy để tìm hiểu hiện thực mà chỉ sao chép hay mô phỏng những kết luận của Marx, nghĩa là chỉ học thuộc lòng đáp số của “bài toán mẫu” mà Marx đã giải chứ không học phương pháp của Marx để giải các bài toán thực tế với nhiều tham số chưa có trong thời Marx. Dưới một hình thức khác hơn, nhiều người chống chủ nghĩa Marx trước nay vẫn là đồng chí trên phương diện phương pháp với những người theo chủ nghĩa Marx kiểu cũ, nghĩa là chỉ tìm cách chứng minh đáp số – kết luận của Marx là sai. Cần nhắc lại rằng về cơ bản Marx chỉ là một nhà tư tưởng chứ không phải là một nhà chính trị, chưa bao giờ ông quản lý một xã hội nên không thể có kinh nghiệm thực tiễn cần thiết để đưa ra một mô hình phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa dù là ở dạng thô sơ nhất. Hơn thế nữa, cần đặc biệt nhấn mạnh rằng lực lượng đại diện cho chủ nghĩa tư bản mà Marx phủ nhận về mặt lịch sử là tư bản công nghiệp, chưa phải là tư bản tài chính như sau Chiến tranh thế giới thứ hai, càng chưa phải là sản phẩm của nền kinh tế tri thức ở một số nước tư bản hiện tại. Cho nên đã đành Marx có những giới hạn lịch sử của ông, nhưng cho dù một số kết luận nào đó của ông đã không còn giá trị chân lý nữa, thì cái cách thức mà ông dùng để đạt tới các kết luận ấy vẫn là một trong những cách thức hay nhất trên phương diện phương pháp tư tưởng. Chưa một ai phủ nhận được trực tiếp và trọn vẹn cái phương pháp ấy, thậm chí điều trở trêu là nếu nhìn lại quá trình sụp đổ của các nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, người ta còn có thể nhận ra rằng các lực lượng chống chủ nghĩa Marx trong thực tế lại hành động một cách hoàn toàn thống nhất với phương pháp của ông. Cho nên vấn đề là phải tìm hiểu phương pháp chứ không phải là trích dẫn các kết luận của Marx dù

là để bảo vệ hay phản bác. Nhưng có thể theo hai con đường, dùng hai cách thức để làm việc đó, con đường trực tiếp với cách diễn dịch mà cụ thể là tìm hiểu các trước tác của Marx và con đường gián tiếp với cách quy nạp mà cụ thể là tìm hiểu các hệ thống triết học và phương pháp khác để so sánh. Đây là lý do phương pháp khiến chúng tôi tiến hành phiên dịch hai quyển *Tiên Tần danh học sử* và *Trung Quốc trung cổ tư tưởng sử trường biên*.

Thứ hai, mặc dù thừa nhận khía cạnh sự thật trong nhận định về lịch sử triết học Việt Nam trên kia, chúng tôi vẫn không muốn dừng lại ở chỗ chỉ thừa nhận một sự thật, vả lại không thể dùng nhận định ấy để giải thích tình trạng phát triển của chủ nghĩa Marx nói riêng và triết học nói chung ở nhiều quốc gia xã hội chủ nghĩa kiểu cũ có lịch sử triết học không giống như Việt Nam. Ở Việt Nam lịch sử triết học không song hành với lịch sử pháp quyền, nên tư tưởng chính thống một mặt thường xuyên thiếu một căn bản vững chắc về triết học và phương pháp luận, mặt khác luôn luôn có nguy cơ trở thành hệ tư tưởng tán dương. Việc Nho giáo du nhập vào Việt Nam (và được con người Việt Nam tiếp nhận) một cách không hoàn chỉnh là có nhiều lý do, chẳng hạn cái cơ cấu “đã có vua lại có chúa” của chính quyền Lê Trịnh ở Đàng Ngoài thế kỷ XVI – XVIII trong thực tế là một sự báng bỏ đối với tinh thần Nho giáo chính thống. Không lạ gì mà ở Việt Nam hệ thống chuẩn mực xã hội Nho giáo (tam cương ngũ thường) lại phát triển hơn hệ thống học thuật – lý luận (Nho học). Tương tự, chủ nghĩa Marx du nhập vào Việt Nam chủ yếu cũng chỉ mới được tiếp nhận trên những khía cạnh phù hợp với tinh thần yêu nước trong thời gian 1930 – 1975, còn từ 1975 trở đi thì trong thực tế nó không còn được vận dụng như một công cụ tư tưởng của xã hội nữa. Nhưng khác với Nho giáo, chủ nghĩa Marx là một học thuyết về lịch sử xã hội chưa trở thành một học thuyết quản lý xã hội - bản thân nó không có hệ



thống chuẩn mực xã hội, chẳng hạn giữa triết học Marx với “lối sống xã hội chủ nghĩa” hình thành một cách tự phát mà duy ý chí trên cơ sở truyền thống ở các quốc gia xã hội chủ nghĩa kiểu cũ dường như chưa xác lập được một quan hệ hữu cơ. Thói vô trách nhiệm và đạo đức giả trong thời kỳ bao cấp đã chứng minh điều này quá rõ ràng, nên dễ hiểu vì sao dưới áp lực của kinh tế hàng hóa và cơ chế thị trường cái lối sống phải thẳng thắn để nói là có nhiều yếu tố tốt đẹp ấy lại mau chóng tan rã như một chỉ báo của sự khủng hoảng về triết học và mỹ học - đạo đức. Cho nên vấn đề của Việt Nam trên phương diện này hiện nay không phải hay đúng hơn là không chỉ ở chỗ không có một truyền thống hoạt động triết học có bề dày cần thiết, mà còn ở chỗ chưa xác lập được mối quan hệ thường xuyên, ổn định và toàn diện giữa triết học với đời sống xã hội. Các hệ thống triết học đều phát triển trong giới hạn mà phương pháp của chúng cho phép, nhưng chủ nghĩa Marx lại không phát triển được bình thường ở các quốc gia xã hội chủ nghĩa kiểu cũ mặc dù phương pháp của nó vẫn chưa bị giới hạn trong bối cảnh lịch sử của thế kỷ trước, nghịch lý này cho phép người ta nghĩ rằng cái phương pháp ấy trong thực tế đã bị lão hóa bởi những trí tuệ của thế giới cũ. Cho nên muốn biết nó đã bị lão hóa thế nào thì phải tìm hiểu những trí tuệ của thế giới cũ ấy. Đây là lý do thực tiễn khiến chúng tôi tiến hành phiên dịch hai quyển *Tiên Tân danh học sử* và *Trung Quốc trung cổ tư tưởng sử trường biên*.

## II.

Trong hai công trình của Hồ Thích mà chúng tôi chuyển ngữ lần này, quyển *Tiên Tân danh học sử* mang một hình thức nguyên bản khá đặc biệt: nó là một bản dịch lại từ nguyên tác bằng Anh văn của Hồ Thích viết từ 1917 – 1922. Phong cách ngôn ngữ ở đây

vì thế có nhiều điểm bất thường: người dịch bản *The Development of Logical Method in ancient China* Anh văn của Hồ Thích ra Hoa văn ở Trung Quốc năm 1982 dường như rất trung thành với nguyên bản nên vô hình trung đã chuyển tải một số cách thức diễn đạt, mô hình cú pháp... Anh văn vào bản Hoa văn, ngoài ra phải kể thêm lối phiên âm các nhân danh thuộc ngôn ngữ Ấn Âu ra tiếng Hoa như Platon phiên là “Bá Lạp đồ”, điều này gây ra một số khó khăn cho việc chuyển ngữ ra tiếng Việt. Chúng tôi vẫn mong tìm được nguyên bản Anh văn in năm 1922 để có cơ sở so sánh nhưng đó là một ước muốn ngoài tầm tay với, chứ đúng ra dịch lại một bản dịch thế này và có nội dung loại này thì phải có ít nhất hai người, một biết Hoa văn – Hán văn và một biết Anh văn cộng tác mới có thể đưa ra một bản dịch tối ưu. Để tiện cho người đọc theo dõi, các chú thích trong bản dịch được đánh số thứ tự từ (1) trở đi trong toàn quyển sách. Những chú thích của “người dịch” trong hệ thống các chú thích này cũng như trong chính văn là vốn có trong nguyên bản Hoa văn, tức của người dịch bản Anh văn ra Hoa văn. Các chú thích của chúng tôi được ký hiệu bằng dấu hoa thị đặt giữa hai ngoặc đơn (\*).

Mặc dù đã dịch qua một số công trình nghiên cứu Hoa văn – Hán văn, chúng tôi vẫn thấy xấu hổ khi dịch Hồ Thích vì hai lẽ. Thứ nhất, khi viết hai quyển *Tiên Tần danh học sử* và *Trung Quốc trung cổ tư tưởng sử trường biên* thì ông còn nhỏ tuổi hơn chúng tôi hiện nay, nhưng chúng tôi lại rất vất vả mới hiểu được hai công trình nhỏ này của ông, mà cũng chưa chắc đã hoàn toàn chính xác và thật sự thấu đáo. Thứ hai, riêng trong phạm vi các tư liệu thư tịch chữ Hán mà Hồ Thích trích dẫn, chúng tôi đã phải tham khảo bản dịch, công trình nghiên cứu của nhiều người đi trước như *Mặc Tử* của Ngô Tất Tố, *Chu Dịch* của Phan Bội Châu, *Nam hoa kinh* của Nguyễn Duy Cần và *Nguyễn Hiến Lê*, *Đạo đức kinh* của Nguyễn